

Số:/ĐA-CĐSP

Quảng Trị, ngày tháng năm 2021

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON NĂM 2021

I. Thông tin chung (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Tên trường: **Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị**

Mã trường: **C32**

Sứ mệnh của nhà trường: Đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên và nguồn nhân lực có chất lượng cao đa ngành, đa nghề đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục - văn hoá - kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị, trong khu vực và quốc gia;

Địa chỉ: **Km3, Quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị**

Tel: **(0233) 3580406**

Website: **<http://www.qtttc.edu.vn/>**

Email: **daotao@qtttc.edu.vn**

2. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2020 (người học)

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I	Chính quy	132							132
1	Sau đại học								
1.1	Tiến sĩ								
1.2	Thạc sĩ								
2	Đại học								
2.1	Chính quy								
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH								
2.3	Liên thông từ CĐ lên ĐH								
2.4	Đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng ĐH trở lên								
3	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	132							132
3.1	Chính quy	132							132
3.2	Liên thông từ TC lên CĐ	0							0
3.3	Đào tạo trình độ CĐ đối với người đã có bằng CĐ	0							0

II	Vừa làm vừa học	35							
1	Đại học								
1.1	Vừa làm vừa học								
1.2	Liên thông từ TC lên ĐH								
1.3	Liên thông từ CĐ lên ĐH								
1.4	Đào tạo trình độ ĐH đối với người đã có bằng ĐH								
2	Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non	35							35
2.1	Vừa làm vừa học	0							0
2.2	Liên thông từ TC lên CĐ	35							35
2.3	Đào tạo trình độ CĐ đối với người đã có bằng CĐ	0							0

3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2019

* Đối với các ngành Cao đẳng Giáo dục Mầm non

Trường tiến hành xét tuyển theo ba phương thức như sau:

Phương thức 1: Dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia năm 2019.

Phương thức 2: Dựa vào kết quả học tập trung học phổ thông (Học bạ): Điểm trung bình các môn của năm học lớp 12 tương ứng với tổ hợp các môn xét tuyển theo từng ngành.

Phương thức 3: Kết hợp giữa xét kết quả thi THPT quốc gia và kết quả học tập THPT: Thí sinh lựa chọn 1 hoặc 2 môn thi THPT kết hợp với 2 hoặc 1 môn của năm học lớp 12 trong học bạ THPT theo tổ hợp xét tuyển của từng ngành.

Thi năng khiếu:

Thí sinh dự tuyển vào các ngành Giáo dục Mầm non phải nộp hồ sơ để dự thi môn Đọc diễn cảm và hát (Các môn Văn và Toán được xét theo phương thức 1 hoặc phương thức 2);

Năm 2020

* Đối với các ngành Cao đẳng Giáo dục Mầm non

Trường tiến hành xét tuyển theo ba phương thức như sau:

Phương thức 1: Dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia năm 2020.

Phương thức 2: Dựa vào kết quả học tập trung học phổ thông (Học bạ): Điểm trung bình các môn của năm học lớp 12 tương ứng với tổ hợp các môn xét tuyển theo từng ngành.

Phương thức 3: Kết hợp giữa xét kết quả thi THPT quốc gia và kết quả học tập THPT: Thí sinh lựa chọn 1 hoặc 2 môn thi THPT kết hợp với 2 hoặc 1 môn của

năm học lớp 12 trong học bạ THPT theo tổ hợp xét tuyển của từng ngành.

Thi năng khiếu:

Thí sinh dự tuyển vào các ngành Giáo dục Mầm non phải nộp hồ sơ để dự thi môn năng khiếu đã đăng ký theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Stt	Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh 2019			Năm tuyển sinh 2020		
		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1.	Khối ngành/ Nhóm ngành I* - Ngành Giáo dục Mầm non	42	37	16,5	100	38	16,5
2.	Khối ngành II						
3.	Khối ngành III						
4.	Khối ngành IV						
5.	Khối ngành V						
6.	Khối ngành VI						
7.	Khối ngành VII						
	Tổng	42	37	16,5	100	38	16,5

II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 10,6 ha.
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 492 chỗ (82 phòng).
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

Stt	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	88	8739
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	2521
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	1	181
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	0	0
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	40	2682
1.5	Số phòng học đa phương tiện	16	1235

1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	30	2120
2.	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	1	1812
3.	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	10	502
	Tổng	99	11054

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

Stt	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1.	Phòng TN Vật lý đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ TN về các phép đo: chiều dài, khối lượng, thể tích...; Vôn kế, ampe kế, hệ số tự cảm...; Tiêu cự, sóng âm; ...; Nhiệt kế...; Lực kế... - Các dụng cụ TN đo hệ số nhớt. - Các dụng cụ TN đo vận tốc truyền âm. - Cầu Wheatstone - Khảo sát các hiện tượng Vật lý: đặc tuyến Điốt, đặc tuyến Tranzito, điốt quang, Lazer bán dẫn, nhiễu xạ qua khe hẹp, sóng dừng, RLC cộng hưởng, RLC bằng dao động kí.... - Dụng cụ TN về các định luật: Niuton, Joule-Thompson, Các ĐL nhiệt động lực học... - Máy Atut - Nhiều dụng cụ để dạy học các phân môn: Cơ, điện, nhiệt, quang,... khác... 	I
2.	Phòng TN Vật lý phương pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Các bộ dạy học và thực hành Vật lý THCS: từ lớp 6 đến lớp 9. - Các bộ thực hành: cơ, điện nhiệt, quang với khá đầy đủ các dụng cụ. - Các mô hình máy: máy phát điện, động cơ... - Các bộ biểu diễn Vật lý THCS. - Các bộ dạy học công nghệ lớp 8, lớp 9. - Các thiết bị máy móc khác... 	I
3.	Phòng TN Hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Các thiết bị, máy móc: máy ly tâm, máy khuấy từ, máy cất nước, máy so màu, đo độ mặn, lò nung, bộ lọc chân không,... - Các dụng cụ thí nghiệm: ống nghiệm, bình TN, pipet, phễu, đèn cồn,... - Các loại hóa chất phục vụ TN được bổ sung hàng năm đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của SV. 	I
4.	Phòng TN Sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Các thiết bị, máy móc: lò nung, nồi hấp, kính hiển vi, kính lúp, máy đo độ sáng, âm thanh, dung tích,... 	I

Stt	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		<ul style="list-style-type: none"> - Các dụng cụ thí nghiệm: bộ dụng cụ TN động vật và người, bộ dụng cụ TN thực vật, bộ vi phẫu thuật, dao, kéo, panh, kẹp,... - Các mô hình dạy học giải phẫu sinh lý người và động vật. - Các tiêu bản: động vật, thực vật, nhiễm sắc thể, tế bào,... - Các dụng cụ phục vụ TN khác. 	
5.	Phòng thực hành máy tính số 1	Máy vi tính (40 bộ), máy in, thiết bị chuyển mạch, camera an ninh, Thiết bị kiểm tra an ninh cầm tay, Projector, màn chiếu...	I
6.	Phòng thực hành máy tính số 2	Máy vi tính (40 bộ), máy in, thiết bị chuyển mạch, camera an ninh, Thiết bị kiểm tra an ninh cầm tay, Projector, màn chiếu...	I
7.	Phòng thực hành ứng dụng CNTT	Máy vi tính (38 bộ), máy in, thiết bị chuyển mạch, camera an ninh, Projector, màn chiếu...	I
8.	Phòng máy chủ	Máy chủ (09 bộ), Thiết bị cân bằng tải (03 bộ), máy in, thiết bị chuyển mạch, camera an ninh, Đường truyền internet >75Mbps (02), Đường truyền internet 30Mbps (03)	I
9.	Phòng thí nghiệm - thực hành Địa lý – Lịch sử	Mô hình cấu tạo núi lửa, Mô hình địa hình, Mô hình quả cầu nhỏ, Mô hình trái đất, Bản đồ Việt Nam (Tự nhiên + Kinh tế), Bản đồ thế giới (Khoáng sản + CT), Bản đồ các châu lục, Bản đồ các nước (KT + TN), Bản đồ lịch sử, Lược đồ lịch sử lớp 7, Bộ tranh về lịch sử VN, Bộ tranh về lịch sử TG, Hộp phục chế hiện vật cổ, Mô hình địa lý CN và BN, Mô hình bản đồ VN lắp ghép bằng gỗ, Mô hình về múi giờ, Đầu DVD+TV	I
10.	Phòng thực hành dinh dưỡng (Giáo dục Mầm non)	Bếp ga, nồi cơm điện sharp, bếp nướng, nồi lẩu, máy xay sinh tố, máy đánh trứng mini, bộ xoong elegan, nồi áp suất nấu ga, bàn ăn inox, ghế tựa nhựa cho bàn ăn, bàn chữ nhật inox bỏ bếp ga. Ngoài ra còn có tô, chén, rổ, rá, xô, thìa, chậu và một số vật dụng khác ...	I
11.	Phòng thí nghiệm - thực hành Giáo dục Tiểu học	Bản đồ địa lý tự nhiên, hành chính Việt Nam; Bình thí nghiệm về sự giãn nở vì nhiệt; Bộ chai ca và lít; Bộ chữ dạy tập viết; Bộ chữ học vần thực hành, biểu diễn; Bộ chữ viết mẫu tên riêng; Bộ đồ dùng	I

Stt	Tên	Dạng mục trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
		học toán học sinh, thực hành, biểu diễn; Bộ dụng cụ cắt khâu, thêu; Các bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật; các bộ mẫu tơ sợi; Bộ nhạc cụ gỗ; Bộ T.nghiệm dùng cho Giáo viên dạy mỹ thuật; các bộ tranh dạy: âm nhạc, đạo đức, kể chuyện, mỹ thuật, thể dục; địa lý, khoa học, lịch sử, tập làm văn, thủ công, thường thức, tự nhiên xã hội; các dụng cụ dạy học thể dục; các lược đồ: Bắc bộ và bắc trung bộ, chiến thắng Chi Lăng, kháng chiến chống quân Tống, phòng tuyến sông Như Nguyệt, Quang Trung đại phá quân Thanh; Mẫu chữ viết; Mẫu chữ viết; Mô hình Thái dương hệ; Nhiệt kế; các tuyển tập truyện tranh	
12.	Phòng thực hành âm nhạc	Đàn Piano cơ, đàn Piano điện, đàn Organ, máy Cassette	I
13.	Phòng thực hành mỹ thuật	Giá vẽ, bảng vẽ, hộp màu, bục để tượng, đầu tượng các loại, các khối (chữ nhật, vuông, lục giác), các bộ phận cơ thể người, tượng toàn thân, tượng bán thân, phù điêu các loại, bục vẽ các loại.	I
14	Phòng tạo hình đồ chơi và thiết bị dạy học mầm non	Giá hoạt động góc, giá vẽ đa năng, dụng cụ thể dục, bộ đồ chơi xếp hình, lắp ghép, xây dựng; Lô tô các loại; Bộ đồ dùng học toán; Thẻ chữ cái, chữ số; Tranh thơ chuyện; Tranh MTXQ;...	I

1.3. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

Stt	Khối ngành đào tạo/ Nhóm ngành	Số lượng
1.	Khối ngành/Nhóm ngành I	75.246
2.	Nhóm ngành II	
3.	Nhóm ngành III	3.521
4.	Nhóm ngành IV	
5.	Nhóm ngành V	5.025
6.	Nhóm ngành VI	
7.	Nhóm ngành VII	2.359

1.4. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	Bùi Thị Hoài Thu	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý Giáo dục		51140201	Giáo dục Mầm non		
2	Đoàn Quốc Khoa	Nam		Tiến sĩ khoa học	Vật lý		51140201	Giáo dục Mầm non		
3	Dương Thị Mỹ Lệ	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	x				
4	Hoàng Ái Mỹ	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		51140201	Giáo dục Mầm non		
5	Hoàng Phước Lộc	Nam		Tiến sĩ khoa học	Khoa học Máy tính		51140201	Giáo dục Mầm non		
6	Hoàng Thị Tâm	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học	x				
7	Hoàng Thị Thanh Dàn	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục chính trị	x				
8	Hoàng Thị Thuý Tĩnh	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	x				
9	Huỳnh Thị Kim Ngân	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	x				
10	Lê Anh Phi	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học Địa lý		51140201	Giáo dục Mầm non		
11	Lê Đức Quảng	Nam		Tiến sĩ khoa học	Quản lý giáo dục		51140201	Giáo dục Mầm non		
12	Lê Quốc Hải	Nam		Tiến sĩ khoa học	Khoa học Máy tính	x				
13	Lê Thị Kiều Nhi	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	x				
14	Lê Thị Phương	Nữ		Thạc sĩ	Văn học nước ngoài		51140201	Giáo dục Mầm non		
15	Lê Thị Thu Hà	Nữ		Thạc sĩ	Luật	x				
16	Lê Thị Thu Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán	x				
17	Nguyễn Huy Tuyến	Nam		Tiến sĩ	Tâm lý giáo dục phát triển và & Giáo dục		51140201	Giáo dục Mầm non		
18	Nguyễn Thanh Bình	Nam		Thạc sĩ	Thể dục thể thao	x				
19	Nguyễn Thanh Long	Nữ		Tiến sĩ khoa học	Toán học		51140201	Giáo dục Mầm non		
20	Nguyễn Thị Ánh Dương	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học Giáo dục		51140201	Giáo dục Mầm non		

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
21	Nguyễn Thị Diễm	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý giáo dục		51140201	Giáo dục Mầm non		
22	Nguyễn Thị Diệu Hương	Nữ		Đại học	Quản lý kinh tế	x				
23	Nguyễn Thị Hoàng Thúy	Nữ		Đại học	Sư phạm Hội họa		51140201	Giáo dục Mầm non		
24	Nguyễn Thị Hồng Yến	Nữ		Thạc sĩ	Triết học		51140201	Giáo dục Mầm non		
25	Nguyễn Thị Huyền	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	x				
26	Nguyễn Thị Kim Thái	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
27	Nguyễn Thị Lê Sương	Nữ		Đại học	Sư phạm Nghệ thuật		51140201	Giáo dục Mầm non		
28	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý học		51140201	Giáo dục Mầm non		
29	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Nữ		Thạc sĩ	Sinh học		51140201	Giáo dục Mầm non		
30	Nguyễn Thị Thanh	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học máy tính	x				
31	Nguyễn Thị Thu Lệ	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	x				
32	Nguyễn Thị Thủy Trang	Nữ		Thạc sĩ	Luật		51140201	Giáo dục Mầm non		
33	Nguyễn Thị Xuân Lam	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học		51140201	Giáo dục Mầm non		
34	Nguyễn Trương Trường	Nam		Thạc sĩ	GD Khoa học và Công nghệ		51140201	Giáo dục Mầm non		
35	Nguyễn Văn Diện	Nam		Thạc sĩ	Huấn luyện GD Thể chất	x				
36	Nguyễn Văn Kiêm	Nam		Thạc sĩ	Khoa học Toán học		51140201	Giáo dục Mầm non		
37	Nguyễn Văn Sanh	Nam		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	x				
38	Nguyễn Văn Thắm	Nam		Thạc sĩ	Âm nhạc		51140201	Giáo dục Mầm non		
39	Phạm Thị Thu Sương	Nữ		Thạc sĩ	LL&PPDH Âm nhạc		51140201	Giáo dục Mầm non		
40	Phan Chí Thành	Nam		Thạc sĩ	Tin học	x				
41	Phan Thị Hường	Nữ		Thạc sĩ	GDH Phương pháp giảng dạy Tâm lý		51140201	Giáo dục Mầm non		
42	Trần Hải	Nam		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	x				

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
43	Trần Ngọc Hùng	Nam		Tiến sĩ khoa học	Anh văn	x				
44	Trần Thị Gái	Nữ		Đại học	Giáo dục Mầm non		51140201	Giáo dục Mầm non		
45	Trịnh Đình Hải	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học	x				
46	Trương Anh Tuấn	Nam		Đại học	GD Thể chất & Huấn luyện thể thao	x				
47	Trương Bùi Thùy Dương	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học		51140201	Giáo dục Mầm non		
48	Trương Đình Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Quản lý giáo dục		51140201	Giáo dục Mầm non		
49	Trương Đình Thăng	Nam		Tiến sĩ khoa học	Quản lý giáo dục	x				
50	Võ Thị Bích Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Giáo dục học Sinh học		51140201	Giáo dục Mầm non		
51	Võ Thị Quỳnh Nhi	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	x				
	Tổng số giảng viên toàn trường									

1.5. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

III. Các thông tin của năm tuyển sinh

1. **Tuyển sinh chính quy trình độ trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC lên CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)**

1.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh được tham gia tuyển sinh nếu đạt các điều kiện sau:

a. Đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc

đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành)

b. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

c. Dự thi các môn năng khiếu hoặc có kết quả thi năng khiếu năm 2021 tại các trường đại học, cao đẳng trong toàn quốc đối với các môn năng khiếu theo quy định các môn năng khiếu của ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị (trừ đối tượng được tuyển thẳng trong mục III – 1.8).

d. Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Trị.

1.2. Phạm vi tuyển sinh

Chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Trị.

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Trường tiến hành xét tuyển theo ba phương thức như sau:

Phương thức 1: Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và kết quả thi năng khiếu.

Phương thức 2: Kết quả học tập THPT (Học bạ) và kết quả thi năng khiếu: Điểm trung bình các môn của năm học lớp 12 tương ứng với tổ hợp các môn xét tuyển.

Phương thức 3: Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021, năm 2020 hoặc kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia các năm trước) và kết quả học tập THPT và kết quả thi năng khiếu: Thí sinh lựa chọn 1 môn thi tốt nghiệp THPT kết hợp với 1 môn của năm học lớp 12 trong học bạ THPT theo tổ hợp xét tuyển của từng ngành.

Kết quả thi năng khiếu:

Thí sinh tham gia xét tuyển vào ngành Giáo dục Mầm non phải nộp hồ sơ để dự thi năng khiếu tại trường CĐSP Quảng Trị hoặc có kết quả thi năng khiếu năm 2021 tại các trường đại học, cao đẳng trong toàn quốc theo tổ hợp xét tuyển ghi trong đề án này.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

a. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo:

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1.	51140201	Giáo dục Mầm non	578/QĐ-BGD&ĐT-ĐH	10/02/2003		2003
2.	51140201	Giáo dục Mầm non	5767/QĐ-BGDĐT	14/12/2010		2003

b. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
1.	Cao đẳng	51140201	Giáo dục Mầm non	60	40	Ngữ văn, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát - Nhạc)		Toán, Văn, Đọc diễn cảm – Hát		Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu (Đọc diễn cảm – Hát hoặc Kể chuyện - Đọc diễn cảm hoặc Hát - Nhạc)		Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu (Đọc diễn cảm – Hát hoặc Kể chuyện - Đọc diễn cảm hoặc Hát - Nhạc)	

1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

a. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b. Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Hội đồng tuyển sinh của nhà trường sẽ tiếp nhận hồ sơ ĐKXT khi thí sinh có đủ các điều kiện sau đây:

- Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh được quy định tại mục 1.1;
- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 2 phải có có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên;
- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức kết hợp giữa thi THPT 2021 với kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ: Điểm trung bình cộng xét tuyển sử dụng điểm thi THPT quốc gia phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định; điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập lớp 12 tối thiểu phải đạt 6,5 trở lên.
- Nộp đủ hồ sơ và lệ phí ĐKXT theo quy định và đúng thời gian được thông báo.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Mã số trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị: C32
- Mã số ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non: 51140201
- Các tổ hợp xét tuyển gồm M00, M01, M05 và M07, không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp:
 - M01: Ngữ văn, NK1 (Kể chuyện - Đọc diễn cảm), NK2 (Hát - Nhạc)
 - M00: Toán, Văn, Đọc diễn cảm – Hát
 - M05: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu (Đọc diễn cảm – Hát hoặc Kể chuyện - Đọc diễn cảm hoặc Hát - Nhạc)
 - M07: Ngữ văn, Địa lí, Năng khiếu (Đọc diễn cảm – Hát hoặc Kể chuyện - Đọc diễn cảm hoặc Hát - Nhạc)
- Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Điểm các môn năng khiếu phải đạt từ 5 điểm trở lên.

1.7. Tổ chức tuyển sinh:

a. Thi năng khiếu

Tất cả thí sinh dự tuyển vào ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non có thể tham dự kỳ thi môn năng khiếu do trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị tổ chức để lấy điểm môn năng khiếu hoặc có thể sử dụng kết quả thi môn năng khiếu từ các trường đại học, cao đẳng trong toàn quốc đúng với yêu cầu tổ hợp môn xét tuyển.

- Môn thi năng khiếu Kể chuyện – Đọc diễn cảm (NK1) gồm 2 phần:
 - 1) Kể một câu chuyện tự chọn chuẩn bị trước có nội dung truyện phù hợp với lứa tuổi mầm non và có ý nghĩa giáo dục trong thời gian không quá 5 phút.
 - 2) Đọc diễn cảm một đoạn văn ngắn và một bài thơ do Hội đồng chuẩn bị có nội dung phù hợp với đối tượng thiếu nhi trong thời gian không quá 5 phút.
- Môn thi năng khiếu Hát - Nhạc (NK2) gồm 2 phần:
 - 1) Hát 1 bài hát Việt Nam tự chọn có nội dung trong sáng, ca ngợi Đảng, Bác Hồ, quê hương, đất nước, tình yêu tuổi trẻ Thí sinh tự trình bày bài hát kết hợp với phong cách biểu diễn (không có nhạc đệm) trong thời gian không quá 5 phút
 - 2) Phần nhạc gồm thắm âm và tiết tấu trong thời gian không quá 5 phút:
Thắm âm: Thí sinh nghe giám khảo đánh đàn và xướng lại các mẫu âm thanh từ đơn giản đến phức tạp;
Tiết tấu: Thí sinh nghe giám khảo gõ và thực hiện lại các mẫu tiết tấu từ đơn giản đến phức tạp.
- Môn thi năng khiếu Đọc diễn cảm và Hát gồm 2 phần:
 - 1) Đọc diễn cảm một đoạn văn ngắn và một bài thơ do Hội đồng chuẩn bị có nội dung phù hợp với đối tượng thiếu nhi trong thời gian không quá 5 phút.
 - 2) Hát 1 bài hát Việt Nam tự chọn có nội dung trong sáng, ca ngợi Đảng, Bác Hồ, quê hương, đất nước, tình yêu tuổi trẻ Thí sinh tự trình bày bài hát kết hợp với phong cách biểu diễn (không có nhạc đệm) trong thời gian không quá 5 phút.
- Thời gian đăng ký và thi năng khiếu:

Đợt	Thời gian đăng ký thi năng khiếu	Thời gian thi năng khiếu	Ghi chú
Đợt 1	26/4/2021 đến hết ngày 21/7/2021	23/7/2021	
Đợt 2	24/7/2021 đến hết ngày 03/8/2021	05/8/2021	
Đợt 3	06/8/2021 đến hết ngày 25/8/2021	27/8/2021	Nếu còn chỉ tiêu

Các đợt tiếp theo (nếu có), Nhà trường sẽ thông báo cụ thể trên Website của trường và các phương tiện thông tin đại chúng.

- *Hồ sơ đăng ký dự thi năng khiếu (ĐKDTNK):*

- 1) 01 túi hồ sơ kích thước 20cmx30cm, có dán Phiếu ĐKDTNK ở mặt trước và 01 Phiếu ĐKDTNK (để trong bì hồ sơ).
- 2) 02 ảnh 4x6 kiểu chứng minh thư, mới chụp chưa quá 6 tháng (mặt sau ghi rõ họ tên, ngày, tháng năm sinh).
- 3) 02 bì thư có dán tem và ghi địa chỉ người nhận (trường sẽ dùng bì thư này để gửi Phiếu báo dự thi và kết quả thi cho thí sinh).

- *Nơi nhận hồ sơ ĐKDTNK:*

Phòng Đào tạo, trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị;

Địa chỉ: Km3, Quốc lộ 9, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị;

Điện thoại: 0233.3580406.

b. Đối với phương thức xét Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và kết quả thi năng khiếu: thời gian, hình thức, địa điểm nhận hồ sơ và lệ phí Đăng ký xét tuyển thực hiện thống nhất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT năm 2021.

c. Đối với phương thức xét Kết quả học tập THPT (Học bạ) và kết quả thi năng khiếu và phương thức xét Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp kết quả học tập THPT và kết quả thi năng khiếu

- *Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT và công bố kết quả:*

Đợt tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT	Thời gian xét và công bố kết quả	Ghi chú
Đợt 1	01/6/2021 đến hết ngày 06/8/2021	Trước 17h ngày 18/8/2021	
Đợt 2	19/8/2021 đến hết ngày 11/9/2021	Trước 17h ngày 15/9/2021	
Đợt 3	17/9/2021 đến hết ngày 01/10/2021	Trước 17h ngày 05/10/2021	Nếu còn chỉ tiêu

- *Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT:*

Thí sinh nộp trực tiếp tại trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị hoặc chuyển phát nhanh đến địa chỉ:

Phòng Đào tạo, trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị,
Km3, Quốc lộ 9, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: 0233. 3580406

Hồ sơ ĐKXT bao gồm:

- 1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị.
- 2) Bản sao học bạ THPT.
- 3) Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc bản chính giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021).
- 4) Bản sao các giấy tờ ưu tiên (nếu có).

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến và thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT khi chưa thi tốt nghiệp THPT phải nộp bổ sung đủ hồ sơ trong thời hạn nhận hồ sơ ở trên để được tham gia xét tuyển.

- *Các điều kiện xét tuyển:*

- 1) Thí sinh thuộc đối tượng tuyển sinh được quy định tại mục 1.1;
- 2) Thí sinh đăng ký xét tuyển theo Phương thức 2 phải có học lực lớp 12 xếp loại khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên;
- 3) Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức kết hợp giữa thi THPT 2021 với kết quả học tập lớp 12 ghi trong học bạ: Điểm trung bình cộng xét tuyển sử dụng điểm thi THPT quốc gia phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định; điểm trung bình cộng xét tuyển kết quả học tập lớp 12 tối thiểu phải đạt 6,5 trở lên.
- 4) Nộp đủ hồ sơ và lệ phí ĐKXT theo quy định và đúng thời gian được thông báo.
- 5) Kết quả môn thi năng khiếu từ 5 điểm trở lên.

1.8. Chính sách ưu tiên:

- Xét tuyển thẳng 10 chỉ tiêu với người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên; người có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá có ít nhất 2 (hai) năm làm việc theo chuyên ngành hoặc nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại quy định trong mục III – 1.1 được xét tuyển thẳng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;
- Ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo quy định của Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Lệ phí xét tuyển: 30.000 đồng/hồ sơ

+ Lệ phí thi tuyển/sơ tuyển năng khiếu: 300.000 đồng/thí sinh

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Sinh viên được miễn học phí theo quy định của Nhà nước.

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học (xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể).

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

1.13.1. Năm tuyển sinh 2019

S T T	Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
		ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
1.	Khối ngành I		42		37		64		16
2.	Khối ngành II								
3.	Khối ngành III								
4.	Khối ngành IV								
5.	Khối ngành V								
6.	Khối ngành VI								
7.	Khối ngành VII								
	Tổng		42		37		64		16

1.13.2. Năm tuyển sinh 2020

S T T	Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất đã khảo sát so với năm tuyển sinh	
		ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
1.	Khối ngành I		100		38		72		69
2.	Khối ngành II								
3.	Khối ngành III								
4.	Khối ngành IV								
5.	Khối ngành V								
6.	Khối ngành VI								
7.	Khối ngành VII								
	Tổng		100		38		72		69

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: 14.192.062.000 đồng;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 107.515.000 đồng.

- 2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và chỉ tiêu liên thông VLVH từ ĐH đối với người có bằng ĐH, từ CĐ đối với người có bằng CĐ)***

Không có chỉ tiêu

- 3. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CĐ lên ĐH, từ TC lên CĐ ngành Giáo dục Mầm non***

Không có chỉ tiêu

- 4. Tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học đối với người có bằng CĐ; ĐH.***

Không có chỉ tiêu

- 5. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học***

Không có chỉ tiêu

Cán bộ kê khai

Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền

Số điện thoại: 0233 3580.406 - 0942444349

Email: huyen_nt@qtttc.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG